TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc H - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 17/2023/HNGĐ - ST Ngày 18-7-2023 V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Thuận

2. Bà Bùi Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Phương Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 59/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/6/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2023/QĐST - HNGĐ ngày 23/6/2023 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 10/TB - TA ngày 06/7/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị X, sinh năm 1985

ĐKHKTT: Thôn Y, xã T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn X H, sinh năm 1981

ĐKHKTT: Thôn Y, xã T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị X, vắng mặt anh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 07/3/2023, bản tự khai ngày 23/3/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đỗ Thị X trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn X H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 25/7/2007 tại Ủy ban nhân dân xã T,

huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường đến ngày 20/12/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung. Anh H không tu chí làm ăn, rượu chè, nhiều lần bỏ đi, không quan tâm đến gia đình. Một mình chị gánh vác về kinh tế và nuôi 5 con ăn học, không có trách nhiệm với vợ con. Chị đã nhiều lần phân tích, cho anh cơ hội nhưng anh H không thay đổi, sửa chữa mà vẫn chứng nào tật nấy. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể khắc phục được. Vợ chồng sống ly thân từ cuối tháng 12/2022 đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn X H.

- Về con chung: Chị và anh H có 5 con chung là Nguyễn Hà M, sinh ngày 02/8/2008, Nguyễn Quốc A, sinh ngày 03/9/2011, Nguyễn Viết B, sinh ngày 01/02/2015, Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 23/02/2020 và Nguyễn Hà A, sinh ngày 04/11/2021. Hiện nay 5 con đang ở với chị X. Khi ly hôn xin được nuôi cả 5 con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Đỗ Thị X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn X H. Về con chung: Chị cam đoan có đủ điều kiện nuôi con. Hiện nay chị làm công nhân có thu nhập ổn định, chị và các con đang ở với ông bà ngoại, có sự hỗ trợ của ông bà về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, anh H không có trách nhiệm gì với con nên nguyện vọng của chị xin được nuôi cả 5 con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với anh Nguyễn X H:* Tòa án nhân dân huyện Nông Cống đã thực hiện tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và Giấy triệu tập cho anh Nguyễn X H. Nhưng trong thời hạn quy định anh H không nộp văn bản nêu ý kiến của mình và cũng không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập.

** Tại Biên bản xác minh ngày 30 tháng 5 năm 2023, bà Lê Thị Nh- mẹ đẻ của anh Nguyễn X H trình bày:* Chị Đỗ Thị X và anh Nguyễn X H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tế Thắng, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình bà, không xảy ra mâu thuẫn gì. Sau một thời gian anh H vào miền Nam làm ăn còn chị X ở nhà sinh cháu thứ 2. Đến đầu năm 2012 chị X gửi bên nội 1 cháu, bên ngoại 1 cháu để chị vào Nam làm ăn cùng anh Hòa. Quá trình làm ăn trong Nam vợ chồng sinh thêm 3 cháu nữa. Vợ chồng đi làm công ty, điều kiện kinh tế khó khăn. Đến đầu năm 2023 chị X gọi điện cho bà thông báo vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, không nói rõ nguyên nhân mâu thuẫn nên bà không biết và chị X đem 3 cháu từ trong Nam về nhà ngoại ở từ đó đến nay.

Gia đình bà đã nhận được văn bản của Tòa án gửi cho anh H nhưng anh H đang đi làm ăn trong miền Nam, thường xuyên liên lạc điện thoại với bà còn địa chỉ cụ thể bà không biết. Gia đình bà nhận thay và đã thông báo ngay lại cho anh H biết. Về hôn nhân anh H không trao đổi với bà nên bà không biết. Về con chung: Anh H và chị X có 5 con chung như chị X trình bày. Hiện nay các con đang ở với chị X. Hiện nay anh đang đi làm ăn xa, chưa có điều kiện nuôi con nên anh H đồng ý để chị X nuôi cả 5 con, khi nào về anh sẽ có đơn đề nghị thay đổi nuôi con; về tài sản và nợ chung: Anh H và chị X không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà cam đoan sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án bà sẽ thông báo ngay lại cho anh H biết.

** Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của BLTTDS.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự*:* Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ và không có mặt tại phiên tòa. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

- Về nội dung:

+ Chị X và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 25/7/2007, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho chị X được ly hôn anh H.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao chị X trực tiếp nuôi dưỡng 5 con chung là Nguyễn Hà M, sinh ngày 02/8/2008, Nguyễn Quốc A, sinh ngày 03/9/2011, Nguyễn Viết B, sinh ngày 01/02/2015, Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 23/02/2020 và Nguyễn Hà A, sinh ngày 04/11/2021. Chị X

không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Chị X và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Nguyễn Xuân H có hộ khẩu thường trú tại thôn Y, xã T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa nên chị Đỗ Thị X yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nông Cống giải quyết việc ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 BLTTDS.

Anh Nguyễn Xuân H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS để xét xử vắng mặt anh H là đúng với quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2. 1]. Hôn nhân giữa chị Đỗ Thị X và anh Nguyễn Xuân H dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2022 đến nay, không quan tâm đến nhau. Tại phiên tòa chị X xác định tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ quan điểm ly hôn. Về phía anh H, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên H giải và tham gia phiên tòa nhưng anh H vẫn vắng mặt. Điều đó chứng tỏ anh H không có thiện chí H giải để vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình H thuận, hạnh phúc không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị X được ly hôn anh H là phù hợp thực trạng mâu thuẫn vợ chồng.

[2. 2]. Về con chung: Chị X và anh H có 5 con chung là Nguyễn Hà M, sinh ngày 02/8/2008, Nguyễn Quốc A, sinh ngày 03/9/2011, Nguyễn Viết B, sinh ngày 01/02/2015, Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 23/02/2020 và Nguyễn Hà A, sinh ngày 04/11/2021. Hiện nay các con đang ở với chị X. Chị X cam đoan có đủ điều kiện nuôi con nên chị có nguyện vọng xin được nuôi cả 5 con. Cháu Nguyễn Hà M, Nguyễn Quốc A và Nguyễn Viết B đều có nguyện

vọng xin được ở với mẹ, Cháu Nguyễn Minh Kh và Nguyễn Quốc A còn nhỏ nên cần sự chăm sóc tỉ mỉ của mẹ. Về phía anh H hiện nay đi làm ăn ở miền Nam, chưa có điều kiện nuôi con nên anh cũng đồng ý để chị X nuôi 5 con, khi nào về anh sẽ có đơn đề nghị thay đổi nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao 5 con cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng, chị X không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2. 3]. Về tài sản và nợ chung: Chị X và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị X khởi kiện vụ án xin ly hôn, không thuộc diện được miễn án phí nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu, chị Đỗ Thị X được ly hôn anh Nguyễn Xuân H.

2. Về con chung: Giao chị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 5 con chung là Nguyễn Hà M, sinh ngày 02/8/2008, Nguyễn Quốc A, sinh ngày 03/9/2011, Nguyễn Viết B, sinh ngày 01/02/2015, Nguyễn Minh Khang, sinh ngày 23/02/2020 và Nguyễn Hà Anh, sinh ngày 04/11/2021. Chị X không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Xuân H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị X phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị X đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2021/0007235 ngày 10/3/2023. Chấp nhận chị X đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị X được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- Đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS H. Nông Cống;
- UBND xã T;
- Lưu hs, vp.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trịnh Thị Hà